

Bản án số: 25/2019/HNGĐ-ST.

Ngày 26/11/2019.

“Về việc ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT, TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Thế Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Thơm và bà Lê Thị Hòa.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Thành Trung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Jút.

- *Đại diện VKSND huyện Cư Jút tham gia phiên tòa:* Ông Hoàng Xuân Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 26/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh ĐN. Tòa án nhân dân huyện C mở phiên tòa xét xử công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 90/2019/TLST-HNGĐ ngày 04/5/2019, về việc “*Ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13/11/2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị L, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Tổ dân phố 03, thị trấn E, huyện C, tỉnh ĐN. (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Công T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Tổ dân phố 03, thị trấn E, huyện C, tỉnh ĐN. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 08/4/2019, biên lấy lời khai ngày 13/5/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Bà Lê Thị L và ông Nguyễn Công T tự nguyện chung sống từ năm 1999, đến ngày 16/7/2007 mới đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn E, huyện C, tỉnh ĐN. Bà L và ông T chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông T không có trách nhiệm với vợ con và gia đình, dẫn đến cuộc sống chung không còn hạnh phúc, bà L và ông T đã sống ly thân hơn 10 năm nay, tình cảm không còn nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà L được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà Lê Thị L và ông Nguyễn Công T có 02 con chung là Nguyễn Hồng Đ, sinh ngày 19/01/2000 và Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 19/7/2001. Hiện con chung đã thành niên nên bà L không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị L không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 15/5/2019, Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 27/5/2019, bị đơn ông Nguyễn Công T trình bày:

Về hôn nhân: Ông Nguyễn Công T và bà Lê Thị L tự nguyện chung sống từ năm 1999, đến năm 2007 mới đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn E, huyện C, tỉnh ĐN. Ông T không đồng ý ly hôn, mong muốn vợ chồng đoàn tụ để chăm lo cuộc sống, nuôi dạy các con.

Ông Nguyễn Công T thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng là có thật, đúng như bà L trình bày tuy nhiên ông T không chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

Về con chung: Con chung đã thành niên nên ông T không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T không yêu cầu giải quyết.

Sau khi Tòa án nhân dân huyện C lập biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, ông T từ chối ký biên bản, tự ý bỏ về không có lý do. Tòa án nhân dân huyện C đã lập biên bản về việc đương sự từ chối ký biên bản và có sự chứng kiến của bà Lê Thị L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C có quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và nội dung vụ án:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án và của HĐXX tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về người tham gia tố tụng: Quá trình thụ lý, hòa giải, xét xử, nguyên đơn đã nghiêm túc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc bị đơn là ông Nguyễn Công T có mặt tại các buổi làm việc và phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng từ chối ký biên bản, tự ý bỏ về không có lý do. Ông T đã được Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh ĐN tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh ĐN đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông Nguyễn Công T theo quy định của pháp luật.

Về Tố tụng, Viện kiểm sát nhân dân huyện C xét thấy đảm bảo đầy đủ và hợp pháp.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Lê Thị L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh ĐN giải quyết việc ly hôn với ông Nguyễn Công T, ông T là bị đơn trong vụ án có hộ khẩu thường trú và sinh sống tại tổ dân phố 03, thị trấn E, huyện C, tỉnh ĐN nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật là “*Ly hôn*”.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Bị đơn là ông Nguyễn Công T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ theo quy định tại Điều 177, Điều 208, Điều 209 và Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vẫn vắng mặt. HĐXX quyết định tiến hành xét xử vắng mặt ông T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị L và ông Nguyễn Công T tự nguyện chung sống từ năm 1999, đến ngày 16/7/2007 mới đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn E, huyện C, tỉnh ĐN. Bà L và ông T chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông T không có trách nhiệm với vợ con và gia đình, dẫn đến cuộc sống chung không còn hạnh phúc, bà L và ông T đã sống ly thân hơn 10 năm nay, tình cảm không còn nên bà L yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà L được ly hôn với ông T là có căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

Về con chung: Xét thấy 02 con chung là cháu Nguyễn Hồng Đ, sinh ngày 19/01/2000 và cháu Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 19/7/2001. Hiện các cháu đã thành niên nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị L, ông Nguyễn Công T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bà Lê Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án về tranh chấp Hôn nhân gia đình không có giá ngạch theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Lê Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Công T. Quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông T chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. *Về con chung:* Con chung đã thành niên nên không xem xét.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà Lê Thị L, ông Nguyễn Công T không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên không xem xét.

4. *Về án phí:* Bà Lê Thị L phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000565 ngày 25/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh ĐN.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ĐN;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- UBND TT E;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

CÁC THÀNH VIÊN HĐXX

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

